



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 1
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2012

Trụ sở chính: Tầng 11 tòa nhà Sông Đà
Số 165, đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494
Website: www.vaè.com.vn

Chi nhánh: Số 15/4 Nguyễn Huy Tưởng
Phường 6, quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 6294 1117/6252 1818 Fax: 08. 6294 1119

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 1
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2012

HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2013

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	06 - 07
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	08 - 10
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	12
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	13 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính 2012.

Khái quát chung về Công ty

Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 (gọi tắt là "Công ty") tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài CENTRAL PHARMACEUTICAL COMPANY NO1, là Doanh nghiệp Nhà nước, tiền thân là Công ty Dược phẩm cấp I thuộc Tổng Liên hiệp các xí nghiệp Dược Việt Nam nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 408/BYT - QĐ ngày 22/04/1993 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Sau đó đổi thành Công ty Dược phẩm Trung ương 1 và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000664 ngày 12/05/1993 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Ngày 29/6/2010, Công ty Dược phẩm Trung ương 1 chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 0100108536. Đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 07 năm 2010. Công ty có 04 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 04 ngày 05/12/2012 thì vốn điều lệ của Công ty là **86.939.012.086 đồng** (*Tám mươi sáu tỷ, chín trăm ba mươi chín triệu, không trăm mười hai nghìn, không trăm tám mươi sáu đồng*).

Vốn pháp định là 6.000.000.000 đồng

Chủ sở hữu Công ty: Tổng Công ty Dược Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: 138B Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc Công ty, bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - Chi nhánh tại Nghệ An
Địa chỉ: 11 đường Lê Nin, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - Chi nhánh tại Bắc Giang
Địa chỉ: Lô 42+43, N12 đường Hoàng Văn Thụ, tỉnh Bắc Giang;
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - Chi nhánh tại Quảng Ninh
Địa chỉ: Số 1, đường Giếng Đồn, tổ 10, Khu 1, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 7B/27/5 Thành Thái, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh;
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - Chi nhánh tại Gia Lai
Địa chỉ: số 05B Phan Đình Phùng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng
Địa chỉ: 135 Bế Văn Đàn, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Văn phòng đại diện Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - Văn phòng đại diện Cần Thơ
Địa chỉ: 15S Mậu Thân, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Các địa điểm kinh doanh của Công ty, bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - Kho số 3
Địa chỉ: Thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội;
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - Hiệu thuốc số 2
Địa chỉ: 356A, đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội;
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - Hiệu thuốc số 3
Địa chỉ: Kiốt số 3 - C9, 148 phố Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - Hiệu thuốc số 5
Địa chỉ: Quầy số 6 - C1, triển lãm Giảng Võ, 148 phố Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội;
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - Hiệu thuốc số 6
Địa chỉ: Kiốt số 17 - C9, 148 phố Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội;
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - Văn phòng số 1
Địa chỉ: Số 136 phố Nguyễn Lương Bằng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - Hiệu thuốc số 8
Địa chỉ: Quầy số 9 - 95, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội;
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - Nhà thuốc CPC1
Địa chỉ: Số 356A đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - Văn phòng số 2
Địa chỉ: Số 105 - 106 phố Nguyễn Công Trứ, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - Kho số 1
Địa chỉ: Số 356, đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội;
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - Kho số 2
Địa chỉ: Số 87, phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội;
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 - Xưởng sản xuất thực phẩm chức năng, mỹ phẩm
Địa chỉ: Số 356 đường Giải phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh nguyên liệu và phụ gia: thực phẩm, thức ăn chăn nuôi;
- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y;
- Vận tải hành khách bằng ô tô; Dịch vụ bốc xếp, đóng gói, giao nhận hàng hóa;
- Tư vấn thành lập và quản lý doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán, thuế, kiểm toán và tài chính);
- Tư vấn, đầu tư, môi giới, xúc tiến thương mại, đại diện thương nhân (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật);
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và cung cấp thông tin thị trường (trừ thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);
- Kinh doanh chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;
- Dịch vụ bảo quản thuốc; Sản xuất và kinh doanh bao bì các loại; Buôn bán Vacxin, sinh phẩm y tế;
- Sản xuất và kinh doanh: Thuốc, nguyên liệu làm thuốc, sản phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm chế biến và thực phẩm chức năng;
- Sản xuất dược phẩm, hoá dược, trang thiết bị dụng cụ y tế;
- Hội chợ, triển lãm, thông tin quảng cáo; Vận chuyển hàng hoá; Cho thuê văn phòng, kho, xưởng;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu uỷ thác; Nhập khẩu trang thiết bị y tế;
- Kinh doanh các mặt hàng: Dược phẩm (tân dược, đông dược), nguyên liệu, hoá chất, phụ liệu để sản xuất thuốc phòng và chữa bệnh; Bao bì và các sản phẩm y tế khác; Tinh dầu, hương liệu, dầu động thực vật; Dụng cụ y tế thông thường, máy móc thiết bị y tế và dược; Mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng y tế; Băng, băng, gạc, kính mát, kính thuốc; Hoá chất các loại, hoá chất xét nghiệm và kiểm nghiệm phục vụ ngành y tế;
- Kinh doanh nguyên vật liệu chuyên ngành dược và dược phẩm;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Địa chỉ: 356A - Đường Giải Phóng - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội
Tel: (84-4) 3864 3327 Fax: (84-4) 3864 1366
Email: cpc1hanoi@cpc1.com.vn Website: cpc1.com.vn

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp, gồm:

Ông Nguyễn Doãn Liêm	Giám đốc
Bà Trần Thụy Khanh	Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Trí Lý	Phó giám đốc
Bà Tô Thị Lý	Phó giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 1



Nguyễn Doãn Liêm

Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Số : *136* - 13/BC-TC/II-VAE

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012
của Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1

Kính gửi: Ban giám đốc
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012 được lập ngày 15 tháng 03 năm 2013 của Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 08 đến trang 31 kèm theo. Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 05, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính tổng hợp này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

Năm 2012, Công ty tiến hành xử lý tài chính khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi với tổng số tiền là 6.969.602.024 đồng, tuy nhiên việc xử lý công nợ trên chưa có đầy đủ hồ sơ như quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá và công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính 2012:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và

b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý người sử dụng BCTC:

Như đã trình bày tại mục 2 phần IV của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đang thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của các hợp đồng đấu thầu có hạn sử dụng ngắn và chậm bán trong năm 2012. Giá trị trích lập được căn cứ trên giá trị thuần có thể ước tính được, được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương I giữ năm (05) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Đặng Thị Thu Huyền

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1410/KTV



Địa chỉ: 356A - Đường Giải Phóng - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội

Tel: (84-4) 3864 3327 Fax: (84-4) 3864 1366

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		973.108.427.594	997.412.631.923
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	77.393.768.928	65.616.561.721
1 Tiền	111		77.393.768.928	65.616.561.721
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	-	1.168.696.008
1 Đầu tư ngắn hạn	121		-	3.124.072.035
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(1.955.376.027)
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		530.795.666.792	503.413.414.525
1 Phải thu của khách hàng	131		519.351.539.580	512.485.018.102
2 Trả trước cho người bán	132		21.982.431.227	1.882.582.237
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	6.799.510.990	9.581.791.182
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(17.337.815.005)	(20.535.976.996)
IV Hàng tồn kho	140		357.716.405.847	415.183.898.991
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	360.616.967.618	415.984.429.038
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.900.561.771)	(800.530.047)
V Tài sản ngắn hạn khác	150		7.202.586.027	12.030.060.678
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.014.470.300	6.502.455.797
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10.	-	18.971.605
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.1	3.188.115.727	5.508.633.276
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		80.331.393.973	72.916.055.015
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		55.627.893.973	39.926.496.015
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	24.026.317.984	25.705.879.133
- Nguyên giá	222		74.129.411.284	68.223.281.653
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.103.093.300)	(42.517.402.520)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	31.422.080.171	14.220.616.882
- Nguyên giá	228		35.834.077.600	17.665.376.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.411.997.429)	(3.444.759.218)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	179.495.818	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8.	24.703.500.000	32.989.559.000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		20.000.000.000	20.000.000.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258		4.703.500.000	16.365.700.000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(3.376.141.000)
V Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.053.439.821.567	1.070.328.686.938

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		918.023.086.698	950.348.370.538
I Nợ ngắn hạn	310		915.023.086.698	941.510.944.776
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9.	271.065.092.643	348.898.831.856
2 Phải trả người bán	312		467.913.449.103	425.148.965.910
3 Người mua trả tiền trước	313		11.027.038.343	44.242.562.003
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.	4.636.737.659	6.465.952.732
5 Phải trả người lao động	315		13.894.851.316	12.694.313.780
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11.	145.786.827.824	103.303.731.185
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		699.089.810	756.587.310
II Nợ dài hạn	330		3.000.000.000	8.837.425.762
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.12.	-	7.346.000.000
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.491.425.762
9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		3.000.000.000	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		135.416.734.869	119.980.316.400
I Vốn chủ sở hữu	410	V.13.	135.416.734.869	119.980.316.400
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		86.939.012.086	83.722.339.400
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		16.247.465.828	7.198.155.709
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		10.593.838.455	8.542.062.588
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.636.418.500	20.517.758.703
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	431		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.053.439.821.567	1.070.328.686.938

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 01 - DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1 Tài sản thuê ngoài			-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3 Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	4.304.020.790
4 Nợ khó đòi đã xử lý (VND)			6.979.756.007	180.312.286
5 Ngoại tệ các loại		V.1.		
USD			409.671,97	300.177,30
EUR			19.439,71	11.721,55
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự toán			-	-

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 1

Người lập



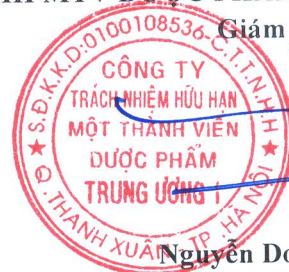
Đặng Thị Nga

Kế toán trưởng



Trần Thụy Khanh

Giám đốc



Nguyễn Doãn Liêm

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Năm 2012

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2012	Năm 2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.14.	2.667.051.284.601	2.654.657.682.965
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.15.	6.253.910.007	5.225.125.457
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.16.	2.660.797.374.594	2.649.432.557.508
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.17.	2.427.909.332.422	2.366.100.229.513
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		232.888.042.172	283.332.327.995
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18.	27.707.216.537	27.137.315.421
7 Chi phí tài chính	22	VI.19.	58.033.217.587	99.129.093.717
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		48.635.400.812	57.072.049.331
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.2.2	107.302.203.333	116.128.280.594
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.3	66.917.540.515	71.335.777.129
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		28.342.297.274	23.876.491.977
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.4	2.940.577.700	23.083.826.269
12 Chi phí khác	32	VIII.2.5	2.456.638.331	19.397.142.341
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		483.939.369	3.686.683.928
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		28.826.236.643	27.563.175.905
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.20.	7.189.818.143	7.045.417.202
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		21.636.418.500	20.517.758.703

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 1

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đặng Thị Nga

Trần Thụy Khanh

Nguyễn Doãn Liêm

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh	01		2.796.937.759.026	2.560.992.342.997
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch	02		(2.577.520.328.645)	(2.487.376.404.631)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(46.832.589.702)	(49.507.464.486)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(35.225.262.195)	(42.992.252.754)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(6.500.000.000)	(8.129.989.738)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.651.680.831	9.289.842.209
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(30.894.744.711)	(16.518.241.957)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		101.616.514.604	(34.242.168.360)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.447.839.582)	(5.933.902.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	303.636.364
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(20.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7.690.049.000	636.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.169.353.886	1.370.309.359
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.588.436.696)	(23.623.956.459)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.211.347.665.011	1.264.534.927.783
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.299.567.305.854)	(1.212.434.918.501)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(88.219.640.843)	52.100.009.282
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		11.808.437.065	(5.766.115.537)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		65.616.561.721	71.371.298.896
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(31.229.858)	11.378.362
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1.	77.393.768.928	65.616.561.721

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 1

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc






Đặng Thị Nga

Trần Thụy Khanh

Nguyễn Doãn Liêm

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 (gọi tắt là "Công ty") tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài CENTRAL PHARMACEUTICAL COMPANY NO1, là Doanh nghiệp Nhà nước, tiền thân là Công ty Dược phẩm cấp I thuộc Tổng Liên hiệp các xí nghiệp Dược Việt Nam nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 408/BYT - QĐ ngày 22/04/1993 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Sau đó đổi thành Công ty Dược phẩm Trung ương 1 và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000664 ngày 12/05/1993 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Ngày 29/6/2010, Công ty Dược phẩm Trung ương 1 chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 0100108536. Đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 07 năm 2010. Công ty có 04 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 04 ngày 05/12/2012 thì vốn điều lệ của Công ty là **86.939.012.086 đồng** (*Tám mươi sáu tỷ, chín trăm ba mươi chín triệu, không trăm mười hai nghìn, không trăm tám mươi sáu đồng*).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh nguyên liệu và phụ gia: thực phẩm, thức ăn chăn nuôi;
- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu thuốc thú y và nguyên liệu làm thuốc thú y;
- Vận tải hành khách bằng ô tô; Dịch vụ bốc xếp, đóng gói, giao nhận hàng hóa;
- Tư vấn thành lập và quản lý doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán, thuế, kiểm toán và tài chính);
- Tư vấn, đầu tư, môi giới, xúc tiến thương mại, đại diện thương nhân (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật);
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và cung cấp thông tin thị trường (trừ thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);
- Kinh doanh chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;
- Dịch vụ bảo quản thuốc; Sản xuất và kinh doanh bao bì các loại; Buôn bán Vaccin, sinh phẩm y tế;
- Sản xuất và kinh doanh: Thuốc, nguyên liệu làm thuốc, sản phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm chế biến và thực phẩm chức năng;
- Sản xuất dược phẩm, hoá dược, trang thiết bị dụng cụ y tế;
- Hội chợ, triển lãm, thông tin quảng cáo; Vận chuyển hàng hoá; Cho thuê văn phòng, kho, xưởng;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu uỷ thác; Nhập khẩu trang thiết bị y tế;
- Kinh doanh các mặt hàng: Dược phẩm (tân dược, đông dược), nguyên liệu, hoá chất, phụ liệu để sản xuất thuốc phòng và chữa bệnh; Bao bì và các sản phẩm y tế khác; Tinh dầu, hương liệu, dầu động thực vật; Dụng cụ y tế thông thường, máy móc thiết bị y tế và dược; Mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng y tế; Bông, băng, gạc, kính mát, kính thuốc; Hoá chất các loại, hoá chất xét nghiệm và kiểm nghiệm phục vụ ngành y tế;
- Kinh doanh nguyên vật liệu chuyên ngành dược và dược phẩm;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày BCTC tổng hợp này.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các đơn vị phụ thuộc và giữa các đơn vị phụ thuộc với nhau được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng.
- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Phương pháp kê khai thường xuyên.
- *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của một số mặt hàng căn cứ vào số lượng tồn kho của mặt hàng phục vụ cho mục đích thầu có hạn ngắn dưới 1 năm và chậm bán được trong năm 2012. Giá trị trích lập được căn cứ trên giá trị thuần có thể ước tính được, được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian tính khấu hao (năm)

Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất tại khu Công nghiệp Tân Tạo có thời hạn sử dụng là 41 năm, Quyền sử dụng đất tại chi nhánh Bắc Giang, chi nhánh Đà Nẵng, Quyền sử dụng đất tại 356A Giải Phóng - Hà Nội có thời hạn sử dụng là vô thời hạn và Phần mềm quản lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Riêng quyền sử dụng đất vô thời hạn Công ty không thực hiện trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản cố cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Quyền sử dụng đất	41
Phần mềm quản lý	03

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày mua.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư cổ phiếu và trái phiếu chính phủ, được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày mua cổ phiếu và trái phiếu chính phủ.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

6.1 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá dược phẩm và cung cấp dịch vụ vận chuyển dược phẩm; doanh thu từ lãi tiền gửi, thu cổ tức từ hoạt động đầu tư chứng khoán.

Doanh thu bán hàng hoá dược phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển dược phẩm được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức căn cứ vào giấy chuyển tiền của bên nhận đầu tư, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá hối đoái.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Nguyên tắc xác định lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi dựa theo thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc cam kết nợ khác.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở nên.

11.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí xây dựng văn phòng làm việc tại Chi nhánh Hồ Chí Minh được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

11.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

11.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với các loại dược phẩm thông thường; 10% đối với dịch vụ vận chuyển dược phẩm, không chịu thuế đối với vật tư y tế cho thương binh và một số loại hàng hóa khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

11.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	4.467.074.732	3.618.951.845
Tiền gửi ngân hàng	71.317.694.196	61.997.609.876
Tiền gửi VND	64.281.472.531	55.428.519.408
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	53.043.967.647	38.209.100.280
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch	125.858.237	2.475.277.057
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	194.991.088	190.724.388
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tân Bình	9.157.243.738	9.851.264.545
Công ty Chứng khoán VPBank	1.756.948	426.942.655
Ngân hàng TMCP Quân đội	1.242.304	1.379.414
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh	1.648.224.752	3.279.435.593
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Sở giao dịch 3	3.000.887	3.000.887
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Ninh	9.997.218	2.493.767
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Chợ lớn	55.965.926	104.274.877
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang	1.472.443	2.180.105
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	10.016.854	812.337.594
Ngân hàng TMCP Quốc tế	7.700.904	7.029.584
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai	10.016.392	12.967.131
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nghệ An	10.017.193	50.111.531

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Tiền gửi USD	6.502.601.626	6.252.092.870
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	1.857.728.758	2.888.990.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch	2.488.797.512	2.995.778.509
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tân Bình	2.147.261.870	355.406.493
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh	5.793.646	6.053.033
Ngân hàng NNo và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Chợ Lớn	3.019.840	5.863.915
Tiền gửi EUR	533.620.039	316.997.598
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	533.620.039	316.994.623
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN HCM	-	2.975
Tiền đang chuyển	1.609.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	1.609.000.000	-
Tổng cộng	77.393.768.928	65.616.561.721

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Đầu tư Chứng khoán ngắn hạn	-	-	-	3.124.072.035
Tổng Công ty Cổ phần Bảo	-	-	2.800	359.400.000
Công ty Phân đạm và Hoá chất dầu khí (PVFCCo)	-	-	2.000	96.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (IMP)	-	-	312	16.640.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Hà	-	-	750	-
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên phong	-	-	9.000	640.320.000
Công ty Cổ phần Gas	-	-	2.756	149.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	-	-	1.000	72.450.000
Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí	-	-	1.280	157.300.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm	-	-	18.427	885.850.000
Công ty Cơ điện lạnh REE	-	-	3.080	117.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán	-	-	1.500	91.540.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	-	2.576	85.042.035
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	6.510	453.530.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-	-	(1.955.376.027)

Lý do thay đổi

Trong năm 2012, Công ty tiến hành bán toàn bộ số cổ phiếu, riêng một số cổ phiếu lẻ vẫn chưa bán hết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

3. Các khoản phải thu khác	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<i>Phải thu khác</i>	6.799.510.990	9.581.791.182
Công ty Cổ phần Thương mại y tế Hải Phòng	-	30.000.000
Phải thu BHXH của Cán bộ công nhân viên	-	25.063.786
Thuế TNCN phải thu người lao động	622.363.958	249.193.584
Lãi vay dự trữ lưu thông phải thu của Nhà nước	-	6.130.846.530
Công ty Tư vấn môi trường Hà Nội	21.100.000	-
Công ty TNHH TB 2H	21.248.500	-
Tạm ứng mua máy móc	254.430.000	305.788.150
Đặt cọc mua đất	-	2.000.000.000
Tiền cổ phần phải thu của Lương Đăng Khoa	5.400.000.000	-
BHXH nộp thừa	318.598.394	-
Lãi vay phải thu của Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	-	309.825.000
Các đối tượng khác	161.770.138	531.074.132
Tổng cộng	6.799.510.990	9.581.791.182
4. Hàng tồn kho	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<i>Hàng mua đang đi đường</i>	23.689.558.161	10.401.384.490
<i>Nguyên vật liệu</i>	1.034.236.828	1.258.544.909
<i>Hàng hoá</i>	335.893.172.629	404.324.499.639
Kho tại văn phòng Công ty	235.079.263.098	257.186.820.017
Phòng bán hàng số 1	465.286.189	632.481.019
Phòng bán hàng số 2	1.604.918.089	1.293.537.081
Phòng bán thuốc số 3	115.595.075	571.726.904
Hiệu thuốc số 2	626.422.236	905.539.885
Hiệu thuốc số 3	400.483.034	1.165.128.738
Hiệu thuốc số 5	760.016.056	607.512.358
Hiệu thuốc số 6	560.018.847	334.797.113
Hiệu thuốc số 8	242.479.463	78.890.867
Cửa hàng GPP số 1	546.814.921	756.339.084
Kho tại Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	91.780.559.313	132.433.660.465
Kho tại Chi nhánh Bắc Giang	636.297.429	1.265.911.082
Kho tại Chi nhánh Quảng Ninh	1.182.882.459	4.658.500.220
Kho tại Chi nhánh Nghệ An	356.508.052	982.057.740
Kho tại Chi nhánh Gia Lai	623.986.677	828.752.499
Kho tại Chi nhánh Đà Nẵng	911.641.691	622.844.567
Cộng giá gốc hàng tồn kho	360.616.967.618	415.984.429.038

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
						Cộng
Nguyên giá						
	Số dư ngày 01/01/2012	45.893.184.291	10.867.464.527	10.179.233.813	1.283.399.022	68.223.281.653
	Mua trong năm	2.781.100.000	7.681.585.036	985.154.546	-	11.447.839.582
	Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
	Tặng khác	-	-	-	-	-
	Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
	Thanh lý, nhượng bán	-	(2.130.825.951)	(629.784.000)	-	(2.760.609.951)
	Giảm khác (*)	(2.781.100.000)	-	-	-	(2.781.100.000)
	Số dư ngày 31/12/2012	45.893.184.291	16.418.223.612	10.534.604.359	1.283.399.022	74.129.411.284
Giá trị hao mòn lũy kế						
	Số dư ngày 01/01/2012	28.634.555.938	6.406.284.141	6.321.663.276	1.154.899.165	42.517.402.520
	Khấu hao trong năm	5.726.186.069	3.160.830.037	1.783.746.294	-	10.670.762.400
	Thanh lý, nhượng bán	(324.461.669)	(2.130.825.951)	(629.784.000)	-	(3.085.071.620)
	Giảm khác	-	-	-	-	-
	Số dư ngày 31/12/2012	34.036.280.338	7.436.288.227	7.475.625.570	1.154.899.165	50.103.093.300
Giá trị còn lại						
	Tại ngày 01/01/2012	17.258.628.353	4.461.180.386	3.857.570.537	128.499.857	25.705.879.133
	Tại ngày 31/12/2012	11.856.903.953	8.981.935.385	3.058.978.789	128.499.857	24.026.317.984

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 22.516.047.269 VND

(*) Giảm khác là do phá đi xây mới

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất Phần mềm máy tính		Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2012	15.184.964.400	2.480.411.700	17.665.376.100
Mua trong năm	17.947.900.000	220.801.500	18.168.701.500
Số dư ngày 31/12/2012	33.132.864.400	2.701.213.200	35.834.077.600
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2012	2.204.553.358	1.240.205.860	3.444.759.218
Khấu hao trong năm	178.954.392	788.283.819	967.238.211
Số dư ngày 31/12/2012	2.383.507.750	2.028.489.679	4.411.997.429
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2012	12.980.411.042	1.240.205.840	14.220.616.882
Tại ngày 31/12/2012	30.749.356.650	672.723.521	31.422.080.171

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2012 01/01/2012
 VND VND

<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	179.495.818	-
Chi phí xây dựng Văn phòng CN Hồ Chí Minh	179.495.818	-
Tổng cộng	179.495.818	-

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

31/12/2012

01/01/2012

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Đầu tư vào Công ty liên kết		20.000.000.000		20.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 - Hà Nội	2.000.000	20.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác		4.703.500.000		16.365.700.000
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tĩnh (1)	75.000	1.250.000.000	5.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar	42.350	2.416.500.000	42.350	2.416.500.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi	100	1.000.000	100	1.000.000
Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Tuyên Quang	18.000	189.000.000	18.000	189.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm	10.000	467.000.000	10.000	467.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Vidiphar	14.400	380.000.000	10.000	380.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam (2)	-	-	540.000	5.400.000.000
Công ty CP Dược phẩm VCP	-	-	626.220	6.262.200.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Lý do thay đổi

(1) Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tĩnh

+ Về số lượng 70.000

+ Về giá trị -

Nguyên nhân: Công ty phát hành mệnh giá 100.000 đồng/1 cổ phiếu, nay phát hành lại là 10.000 đồng/1 cổ phiếu

(2) Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam

+ Về số lượng 540.000

+ Về giá trị 5.400.000.000

Nguyên nhân: Giảm do bán cổ phần

(3) Công ty Cổ phần Dược phẩm VCP

+ Về số lượng 626.220

+ Về giá trị 6.262.200.000

Nguyên nhân: Giảm do bán cổ phần

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar

Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam

-	(3.376.141.000)
-	(341.341.000)
-	(3.034.800.000)

9. Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn

Vay ngân hàng (VND)

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (1)

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tân Bình

Ngân hàng NNo và PTNT Việt Nam - CN Chợ Lớn

Vay ngân hàng (USD)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (2)

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (1)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP HCM (2)

Ngân hàng NNo và PTNT Việt Nam - CN Chợ Lớn

Vay ngân hàng (EUR)

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (1)

Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (3)

Vay các đối tượng khác

Nợ dài hạn đến hạn trả

Ngân hàng Cổ phần Công thương Việt Nam - CN Hà Nội

Tổng cộng

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	260.188.964.967	345.538.831.856
Vay ngân hàng (VND)	78.663.394.260	159.667.234.590
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (1)</i>	50.521.142.430	121.595.381.420
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tân Bình</i>	-	33.883.853.170
<i>Ngân hàng NNo và PTNT Việt Nam - CN Chợ Lớn</i>	28.142.251.830	4.188.000.000
Vay ngân hàng (USD)	134.880.207.333	135.331.772.224
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (2)</i>	12.083.446.785	12.043.241.557
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (1)</i>	106.775.646.338	103.853.334.018
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP HCM (2)</i>	16.021.114.210	15.209.020.910
<i>Ngân hàng NNo và PTNT Việt Nam - CN Chợ Lớn</i>	-	4.226.175.739
Vay ngân hàng (EUR)	15.725.839.478	24.942.291.496
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (1)</i>	15.725.839.478	24.942.291.496
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (3)	10.876.127.676	-
Vay các đối tượng khác	30.919.523.896	25.597.533.546
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	3.360.000.000
<i>Ngân hàng Cổ phần Công thương Việt Nam - CN Hà Nội</i>	-	3.360.000.000
Tổng cộng	271.065.092.643	348.898.831.856

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

(1) Vay theo Hợp đồng tín dụng số 01-2011/HĐTD-CPC1 ngày 18/04/2011, giới hạn tín dụng là 400.000.000.000 đồng, giới hạn cho vay là 340.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 06 tháng đối với món vay phục vụ mục đích kinh doanh và tối đa không quá 12 tháng đối với các món vay phục vụ mục đích dự trữ lưu thông Quốc gia. Lãi suất vay theo lãi suất thả nổi, điều chỉnh 1 tháng/1 lần. Thế chấp phần tài sản trên đất tại địa chỉ 356A đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

(2) Vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 110437/HĐCTD.SGD-NHNT ngày 29/08/2011, tổng hạn mức cấp tín dụng là 120.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay là 75.000.000.000 đồng, thời hạn rút vốn của hạn mức cấp tín dụng tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, thời gian cho vay tối đa không quá 04 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất cho vay sẽ được thông báo theo lãi suất thông báo của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ.

(3) Vay theo Hợp đồng nguyên tắc số 38/2011/HĐ-CPC1HN ngày 13/12/2011 với Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội. Mục đích vay sử dụng vào mục đích kinh doanh. Lãi suất cho vay theo mức lãi suất thả nổi.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính: VND 31/12/2012
Thuế GTGT đầu ra	1.074.760.476	4.143.486.740	4.264.538.418	953.708.798
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	4.527.843.450	82.266.590.465	84.752.134.386	2.042.299.529
Thuế xuất nhập khẩu	509.609.899	7.108.412.506	7.561.237.519	56.784.886
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(18.971.605)	7.189.818.143	6.500.000.000	670.846.538
Thuế thu nhập cá nhân	353.738.907	2.292.412.926	1.733.053.925	913.097.908
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	581.009.740	581.009.740	-
Các loại thuế khác	-	14.000.000	14.000.000	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	18.971.605			
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	6.465.952.732			4.636.737.659

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<i>Kinh phí công đoàn</i>	217.722.222	599.913.147
<i>Phải trả tiền đặt cọc</i>	38.830.369.951	-
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	106.738.735.651	102.703.818.038
Phải trả tiền tham gia đấu thầu Công ty Cổ phần Dược Quảng Nam	80.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Việt Á	583.000.000	-
Phải trả tiền giữ lại bảo hành	76.637.847	110.794.538
Tổng Công ty Dược Việt Nam góp vốn hợp tác kinh doanh	102.291.575.343	90.950.390.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Next	214.580.716	-
Tiền khám sức khỏe 2012 phải trả	336.140.000	-
Mình kinh doanh đặt cọc	345.060.000	345.060.000
Đặt cọc tiền hàng Colimycin	284.940.000	284.940.000
Phải trả Lao vụ Hải Phòng	-	288.386.247
Công ty Cổ phần Đông Dương	-	132.330.000
Phải trả tiền vay Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	-	8.950.000.000
Phải trả tiền lãi vay Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	-	60.412.500
Lãi vay phải trả ngân hàng	802.213.693	763.600.299
Các đối tượng khác	1.724.588.052	817.904.454
Tổng cộng	145.786.827.824	103.303.731.185

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

12. Vay và nợ dài hạn	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	7.346.000.000
Tổng cộng	-	7.346.000.000

13. **Vốn chủ sở hữu**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2011	83.722.339.400	657.379.582	-	84.379.718.982
Lãi trong năm trước	-	-	20.517.758.703	20.517.758.703
Giảm khác	-	(657.379.582)	-	(657.379.582)
Số dư tại ngày 31/12/2011	83.722.339.400	-	20.517.758.703	104.240.098.103
Tăng vốn trong năm nay	3.216.672.686	-	-	3.216.672.686
Lãi trong năm nay	-	-	21.636.418.500	21.636.418.500
Giảm khác	-	-	(20.517.758.703)	(20.517.758.703)
Số dư tại ngày 31/12/2012	86.939.012.086	-	21.636.418.500	108.575.430.586

(* Công ty chưa tiến hành phân phối lợi nhuận theo Nghị định 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 và Thông tư số 138/2010/TT-BTC ngày 17/09/2010.

b) **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	86.939.012.086	83.722.339.400
Cộng	86.939.012.086	83.722.339.400

c) **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>86.939.012.086</i>	<i>83.722.339.400</i>
Vốn góp đầu năm	83.722.339.400	83.722.339.400
Vốn góp tăng trong năm	3.216.672.686	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	86.939.012.086	83.722.339.400
<i>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

d) **Các quỹ của công ty**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2012	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	31/12/2012
Quỹ đầu tư phát triển	7.198.155.709	9.049.310.119	-	16.247.465.828
Quỹ dự phòng tài chính	8.542.062.588	2.051.775.867	-	10.593.838.455
Tổng cộng	15.740.218.297	11.101.085.986	-	26.841.304.283

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Công ty tiến hành trích lập các quỹ đúng theo hướng dẫn tại Nghị định số 09/2009/NĐ-CĐ phần ngày 05/12/2009 về ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty Nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác; và Thông tư số 138/2010/TT-BTC ngày 17/10/2010 về hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với Công ty TNHH Nhà nước MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Cụ thể như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong kỳ được trích bằng 10% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia theo vốn tự huy động sau khi chia lãi cho các thành viên góp vốn.
- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 60% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia theo vốn tự huy động và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty được trích lập bằng 1,78% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia theo vốn tự huy động để lập quỹ thưởng Ban điều hành công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

14. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán thuốc	2.632.347.502.006	2.626.758.157.921
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	34.703.782.595	27.899.525.044
Tổng cộng	2.667.051.284.601	2.654.657.682.965
15. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giảm giá hàng bán	-	359.482.020
Hàng bán bị trả lại	6.253.910.007	4.865.643.437
Tổng cộng	6.253.910.007	5.225.125.457
16. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu thuần bán thuốc	2.626.093.591.999	2.621.533.032.464
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	34.703.782.595	27.899.525.044
Tổng cộng	2.660.797.374.594	2.649.432.557.508
17. Giá vốn hàng bán	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của thuốc đã bán	2.393.571.690.322	2.339.897.838.881
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển thuốc	30.177.202.256	23.714.596.285
Trích lập dự phòng	2.100.031.724	800.530.047
Giá vốn thuốc hủy	2.060.408.120	3.627.647.587
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.940.383.287)
Tổng cộng	2.427.909.332.422	2.366.100.229.513

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

18. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi	468.525.311	1.703.600.041
Cổ tức, lợi nhuận được chia	374.917.300	324.088.900
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.826.670.456	19.109.280.165
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn, dài hạn	6.815.633.991	-
Doanh thu tiền lãi bán hàng trả chậm	4.931.377.375	6.000.346.315
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	290.092.104	-
Tổng cộng	27.707.216.537	27.137.315.421
19. Chi phí tài chính	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	48.635.400.812	57.072.049.331
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.032.119.356	35.483.169.764
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	1.697.214.446	4.267.230.000
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(5.331.517.027)	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	2.306.644.622
Tổng cộng	58.033.217.587	99.129.093.717
20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hoạt động kinh doanh thông thường (1)		
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	2.691.070.251.531	2.676.674.782.273
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	2.662.618.932.188	2.652.693.380.952
Chi phí lãi vay vượt quy định không được trừ	307.953.225	942.581.803
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	28.759.272.568	24.923.983.124
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu chịu thuế	7.189.818.143	6.230.995.781
Hoạt động chuyển nhượng bất động sản (2)		
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	22.654.828.025
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	19.397.142.341
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.257.685.684
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu chịu thuế	-	814.421.421
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (3=1+2)	7.189.818.143	7.045.417.202
21. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	9.964.192.549	3.128.772.855
Chi phí nhân công	60.570.362.065	57.667.387.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.638.000.611	10.150.436.011
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.385.517.274	61.214.010.037
Chi phí khác bằng tiền	20.625.863.898	58.432.224.284
Tổng cộng	184.183.936.397	190.592.830.577

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

22. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bằng tiền do thanh lý lỗ khoản đầu tư	1.696.223.035	4.267.230.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bằng tiền bằng tiền do tăng công nợ phải thu	5.400.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện do đánh giá lại khoản vay trong năm	420.025.961	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	257.800.644	4.316.908.250
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	1.066.404.359	12.409.279.103

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan

	<i>Quan hệ với Công ty</i>	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Bán hàng cho			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1	Cùng Tổng Công ty	8.920.470.310	8.725.874.651
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Cùng Tổng Công ty	809.194.943	4.597.561.160
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2	Cùng Tổng Công ty	3.098.748.995	7.012.736.549
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 3	Cùng Tổng Công ty	1.250.265.368	787.599.675
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Cùng Tổng Công ty	274.982.000	2.832.295.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Cùng Tổng Công ty	5.431.571.439	4.581.520.256
Chi phí hoạt động tài chính			
Tổng Công ty Dược Việt Nam	Công ty mẹ	11.977.675.629	9.450.390.000
Mua hàng của			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1	Cùng Tổng Công ty	14.170.731.529	13.144.719.460
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Cùng Tổng Công ty	28.907.500	1.086.144.880
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Cùng Tổng Công ty	2.790.956.850	2.832.209.808
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Cùng Tổng Công ty	4.297.445.615	6.953.700.980
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 3	Cùng Tổng Công ty	491.512.800	337.249.500
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2	Cùng Tổng Công ty	15.312.355.957	5.797.345.348

1.2 Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lương, thưởng	2.251.736.025	918.773.624
Tổng cộng	2.251.736.025	918.773.624

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

1.3 <i>Số dư với các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ với Công ty</i>	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Các khoản phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1	Cùng Tổng Công ty	599.678.326	127.503.892
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Cùng Tổng Công ty	158.820.000	74.812.500
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2	Cùng Tổng Công ty	957.814.452	1.494.952.434
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 3	Cùng Tổng Công ty	311.322.646	61.695.689
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Cùng Tổng Công ty	1.704.150.000	3.346.391.250
Các khoản phải thu khác			
Lãi vay phải thu của Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty liên kết	-	309.825.000
Các khoản phải trả			
Tổng Công ty Dược Việt Nam	Công ty mẹ	102.291.575.343	90.950.390.000
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 1	Cùng Tổng Công ty	2.923.818.478	1.749.128.370
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2	Cùng Tổng Công ty	-	424.595.877
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 3 - CN Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	110.439.374	168.995.076
Công ty CP Dược phẩm Trung ương 25	Cùng Tổng Công ty	-	3.295.753.613
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 3	Cùng Tổng Công ty	-	819.825
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2	Cùng Tổng Công ty	6.554.403.145	25.305.047
Công ty CP Dược phẩm VCP	Bên nhận đầu tư	-	6.507.669.898
Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty liên kết	10.876.127.676	9.010.412.500
2. Những thông tin khác			
2.1 Tài sản ngắn hạn khác		31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý		-	32.302.057
Tạm ứng		-	194.316.000
Cán bộ công nhân viên tại Văn phòng Công ty		-	17.000.000
Cán bộ công nhân viên tại Chi nhánh Đà Nẵng		-	86.200.000
Cán bộ công nhân viên tại Thành phố HCM		-	88.551.000
Cán bộ công nhân tại Gia Lai		-	2.565.000
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn VND		3.188.115.727	5.282.015.219
		1.163.395.300	5.282.015.219
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội		685.000.000	685.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình		102.375.000	3.600.000.961
Đặt cọc thuê kho		-	219.197.258
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng		19.313.500	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An		2.000.000	-
Ký quỹ tại các Bệnh viện		354.706.800	777.817.000
USD		2.024.720.427	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội		646.930.200	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tân Bình		1.377.790.227	-
Tổng cộng		3.188.115.727	5.508.633.276

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

2.2 Chi phí bán hàng	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên	44.893.714.842	43.213.835.543
Chi phí vật liệu, bao bì	10.470.758.205	73.988.196
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	11.856.573.549	9.986.856.525
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.767.961.925	10.150.436.011
Chi phí bảo hành	3.139.332.860	8.646.722.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.543.245.676	34.494.932.552
Chi phí bằng tiền khác	9.630.616.276	9.561.509.187
Tổng cộng	107.302.203.333	116.128.280.594
2.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.676.647.223	14.404.611.848
Chi phí đồ dùng văn phòng	17.508.489.389	14.618.135.585
Thuế, phí và lệ phí	822.276.356	315.261.651
Chi phí dự phòng	6.771.440.033	10.731.747.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.083.820.638	20.802.584.592
Chi phí bằng tiền khác	11.054.866.876	10.463.436.378
Tổng cộng	66.917.540.515	71.335.777.129
2.4 Thu nhập khác	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Xử lý công nợ phải trả	957.086.280	50.858.809
Thu nhập từ công nợ khó đòi đã xử lý	472.425.529	44.100.000
Thu thanh lý tài sản tài sản cố định	-	303.636.364
Thu tiền bán đất	-	22.654.828.025
Thu nhập từ xử lý quỹ trợ cấp mất việc làm	1.491.425.762	-
Thu nhập khác	19.640.129	30.403.071
Tổng cộng	2.940.577.700	23.083.826.269
2.5 Chi phí khác	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thanh lý TSCĐ	2.456.638.331	-
Chi phí mua đất	-	19.397.142.341
Tổng cộng	2.456.638.331	19.397.142.341

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

2.6 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 1

Người lập



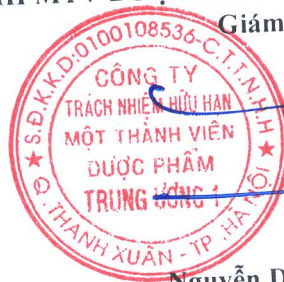
Đặng Thị Nga

Kế toán trưởng



Trần Thụy Khanh

Giám đốc



Nguyễn Doãn Liêm